TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2023/HS-ST.
Ngày 23/03/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hoa.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hạnh
2. ÔNg Nguyễn Duy Tuyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 169/2023/TLST-HS ngày 01tháng 03 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2023/QĐXXST - HS ngày 09 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức T - Sinh năm 1986; ĐKNKTT; Số nhà 61A, Kiều Đại 2, phường Đông V, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, chỗ ở hiện nay SN 03/90 Nguyễn Hữu C, phố Trường S, phường Quảng T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hoá 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức T và bà Lê Thị T (đã chết); vợ Lê Thị N (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2015, tiền án, tiền sự: không, nhân thân, bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 20/10/2022 đến ngày 26/10/2022 chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Chu Thế L - Sinh năm 1993; ĐKNKTT và chỗ ở; Số nhà 200 L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc:

Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Minh T và bà Nguyễn Thị T; tiền án, tiền sự; không, nhân thân: Ngày 02/8/2017, bị Công an thành phố T xử phạt hành chính về hành vi "Tàng trữ, đồ vật nhằm gây thương tích cho người khác", ngày 15/5/2018, bị Công an thành phố T xử phạt hành chính về hành vi "Đánh nhau", bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 20/10/2022 đến ngày 26/10/2022 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Duy K - Sinh năm 1989; ĐKNKTT; Số nhà 96 phố Lê Thị H, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, chỗ ở hiện nay; phố T, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đức N và bà Lê Thị Y; vợ Lê Thị H và có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017, tiền án, tiền sự; không, nhân thân: Ngày 22/01/2007, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phúc thẩm phạt 04 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích", ngày 13/12/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố T, xử phạt 15 tháng tù về tội "Hủy hoại tài sản", ngày 28/02/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 12 tháng tù về tội "Hủy hoại tài sản", ngày 22/03/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 9 tháng tù về tội "Bắt giữ người trái pháp luật", ngày 11/10/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 9 tháng tù về tội "Đánh bạc", ngày 01/11/2010, bị Công an thành phố T xử phạt hành chính về hành vi "Dùng xăng ném vào quán người khác", bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 20/10/2022 đến ngày 26/10/2022 chuyển tạm giam, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nhu cầu sử dụng ma tuý, tối ngày 19/10/2022, Phạm Duy K gọi điện thoại hỏi mua của Nguyễn Đức T 5.000.000đồng ma tuý loại hồng phiến. Ngay sau đó, T nói với Chu Thế L và rủ L góp tiền để mua ma tuý về bán kiếm lời, được L đồng ý và góp cho T 3.000.000đồng. Khoảng 01h00' ngày 20/10/2022, T mang về nhà ở, SN 03/90 Nguyễn Hữu C, phường Q, thành phố T 120 viên hồng phiến và nói với L là mới mua được. Sau đó T cất giấu số ma tuý trên trong người và đi ngủ.

Đến khoảng 10h cùng ngày, trên đường đến nhà Thọ, K gặp Cao Ngọc Đ, sinh năm 1992, trú tại 17/5 Nguyễn Thượng H, phường T, thành phố T, K nhờ Đ chở đến nhà gặp T để hỏi mua ma tuý. Đến nơi Đ rời đi, K tự mình gặp và trao đổi mua bán ma túy với T, T đồng ý bán và đưa cho K 95 viên ma tuý loại hồng phiến với giá

5.000.000đồng. K chuyển khoản số tiền 5.000.000đồng cho T vào số tài khoản 106872741449 Ngân hàng Vietinbank mang tên Chu Thế L. Sau đó, K cầm túi ma tuý và đi về nhà, khi đến đầu ngõ 90 đường Nguyễn Hữu C, phường Quảng T, thành phố T thì K bị Tổ công tác Công an phường Quảng T phát hiện bắt quả tang (BL: 01->02; 126->142; 148->163; 178->193).

Cùng ngày, Nguyễn Đức T và Chu Thế L đến trụ sở Công an phường Quảng T, thành phố T đầu thú và khai nhận việc cùng góp tiền mua ma túy loại hồng phiến về bán cho Phạm Duy K ngày 20/10/2022 để kiếm lời; số ma túy 25 viên hồng phiến còn lại, sau khi nghe tin K bị bắt T đã ném xuống sông ở khu vực Cầu V thuộc phường Quảng T, thành phố T (BL: 03->04; 05->06). Về nguồn gốc số ma túy, Nguyễn Đức T khai mua của Lê Thị D, sinh năm 1982, ở số nhà 22/488 Hải Thượng Lãn Ô, phường Quảng T, thành phố T 120 viên ma túy loại hồng phiến giá 5.000.000đồng (năm triệu đồng) (BL: 87->89; 148->163; 164->165).

Kết luận giám định số 3643/KL-KTHS ngày 24/10/2022 của Phòng KTHS kết luận 95 viên nén hình tròn màu đỏ trong phong bì niêm phong bì gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 9,551gam, loại Methamphetamine.

Về vật chứng: 01 phong bì niêm phong vật chứng hoàn lại sau giám định của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hoá gồm: 85 viên nén màu đỏ có tổng khối lượng là 8,546g là ma tuý, loại: Methamphetamine.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus màu hồng, số máy MNZYZVN/A, số seri FCJVK1SAHFM5, số Imei 355732076586717 thu giữ của Chu Thế L. Đối với 01 (một) điện thoại di dộng nhãn hiệu Realme 3 màu đen, số Imeil: 868326042553371, Imei2: 868326042553363 thu giữ của Nguyễn Đức T. Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu đen, số seri FFMW50Q8HFLM, bên trong lắp sim số 0899624567 thu giữ của Phạm Duy K.

Toàn bộ vật chứng được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng và kết luận của Cơ quan CSĐT đã xác định.

Cáo trạng số: 121/CTr-VKS ngày 28/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố Phạm Duy K về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm g khoản 2 Điều 249 của BLHS, Nguyễn Đức T và Chu Thế L về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm i khoản 2 Điều 251 của BLHS.

Phần luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm

g khoản 2 Điều 249 của BLHS đối với Phạm Duy K, điểm i khoản 2 Điều 251 của BLHS đối với Nguyễn Đức T và Chu Thế L; điểm s khoản 1,2 Điều 51, Điều 38 của BLHS cho các bị cáo T, L và K. Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Duy K từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù, Nguyễn Đức T từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù Chu Thế L từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, tịch thu số tiền 5.000.000đ của bị cáo L, tịch thu tiêu hủy số ma túy sau giám định, sung quỹ nhà nước 03 điện thoại của 03 bị cáo.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến điều kiện, nguyên nhân dẫn đến phạm tội và hoàn cảnh của từng bị cáo để cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan CSĐT Công an thành phố T, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, tại phiên tòa người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại gì, Hội đồng xét xử tiến hành theo thủ tục chung.

[2]. Các căn cứ để định tội đối với bị cáo: Về lời khai tại phiên tòa hôm nay với lời khai của các bị cáo đã khai tại Cơ quan điều tra đều thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng và vật chứng đã thu được cùng tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận:

Đối với Nguyễn Đức T và Chu Thế L, sau khi tiếp nhận thông tin từ Phạm Duy K, các bị cáo đã góp chung tiền để mua ma túy về nơi ở cất giấu. Khoảng 10h ngày 20/10/2022 đã bán cho Phạm Duy K khối lượng 9,551gam loại Methamphetamine, với giá 5.000.000đồng. Vì khối lượng ma túy các bị cáo (mua và bán) trên 05gam đến dưới 30gam nên phải chịu tình tiết định khung hình phạt. Hành vi của Nguyễn Đức T và Chu Thế L đã phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 của BLHS.

Đối với Phạm Duy K, khoảng 10h00' ngày 20/10/2022, tại đầu ngõ 90 đường Nguyễn Hữu C, phường Quảng T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, Công an đã bắt quả tang đang cất giấu trái phép 9.551gam ma túy, loại Methamphetamine. Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội danh và khung hình phạt được

quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của BLHS, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng tội, đúng pháp luật.

Trong vụ án này, Nguyễn Đức T khai nguồn ma túy là mua của Lê Thị D, sinh 1982, ở số nhà 22/488 Hải Thượng Lãn Ô, phường Quảng T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Thanh H đã xác minh làm rõ nhưng không có căn để xử lý đối với Lê Thị D là đúng quy định của pháp luật.

Đối với Cao Ngọc Đ, Phạm Duy K khai nhờ Đạt chở đến nhà gặp Nguyễn Đức T hỏi mua ma tuý. Tuy nhiên, Đ khai K không nói nhờ Đ chở đi đâu, làm gì. Đ cũng không biết việc K trao đổi và mua bán trái phép chất ma túy nên không có căn cứ chứng minh và xử lý.

[3]. Đánh giá tính chất chung: Vụ án có nhiều bị cáo tham gia và phạm nhiều tội. Đối với hành vi đồng phạm, vì không có sự chuẩn bị, phân công chặt chẽ giữa các vai trò với nhau nên chỉ đánh giá là loại đồng phạm giản đơn.

Trong vụ án này các bị cáo biết rõ ma túy có tác hại nhiều mặt đến đời sống, kinh tế, quan hệ xã hội và ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc. Đặc biệt, ma túy còn là một trong những tác nhân làm lây truyền căn bệnh HIV/AIDS, người sử dụng ma túy không những làm băng hoại về đạo đức, lối sống mà còn tổn hại đến sức khỏe, hạnh phúc gia đình, các bị cáo biết rõ tác hại nhiều mặt của ma túy nhưng vì lợi nhận dẫn đến phạm tội.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, mà còn tạo ra dư luận xấu trong nhân dân. Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, cần phải được xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Trách nhiệm hình sự (TNHS) của từng bị cáo: Trong vụ án này cả 3 bị cáo có chung tình tiết giảm nhẹ TNHS là thành khẩn khai báo, đối với Nguyễn Đức T và Chu Thế L có thêm tình tiết đầu thú, Phạm Duy K có xác nhận của chính quyền địa phương gia đình có hoàn cảnh khó khăn vợ bỏ đi từ lâu trước khi phạm tội một mình nuôi con dị tật nặng, các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản1, 2 Điều 51 của BLHS.

Đối với hành vi "Mua bán trái phép chất ma túy" Nguyễn Đức T là đối tượng khởi xướng và trực tiếp đi mua ma túy về cất giấu, Chu Thế L là bị cáo có số tiền góp vào để mua ma túy nhiều hơn. Như vậy, được đánh giá cả 02 bị cáo này có vai trò như nhau, Chu Thế L lại có nhân thân xấu hơn Nguyễn Đức T, cả 02 bị cáo đều có chung tình tiết giảm nhẹ TNHS, xét toàn diện thì mức hình phạt được áp dụng cho cả 02 bị cáo cần được ngang nhau.

Phạm Duy K phạm tội độc lập và bị cáo chỉ phải chịu TNHS về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Căn cứ vào nhân thân, tính chất mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo cần áp dụng Điều 38 của BLHS để cách ly khỏi xã hội một thời gian đối với các bị cáo để có điều kiện cải tạo sớm trở thành người lương thiện.

[5]. Về biện pháp tư pháp:

Các bị cáo không có việc làm ổn định, vì vậy không cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với khoản tiền 5.000.000đồng của Nguyễn Đức T và Chu Thế L đã bán ma túy cho Phạm Duy K được chuyển vào tài khoản của Chu Thế L là tiền do phạm tội mà có, cần tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước.

[6]. Về vật chứng của vụ án: Toàn bộ khối lượng Heroine thu được của bị cáo sau giám định (8,546gam) là vật được Nhà nước cấm lưu hành đang bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh H cần áp dụng khoản 1,2 Điều 106 của BLTTHS để tịch thu tiêu hủy. Đối với 03 điện thoại các bị cáo dùng liên lạc mua bán ma túy với nhau, cần tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước.

[7]. Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ; điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, điểm b khoản 1 Điều 47 của BLHS để áp dụng cho các bị cáo Nguyễn Đức T và Chu Thế L.

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1,2 Điều 51, Điều 38 của BLHS để áp dụng cho Phạm Duy K.

- Căn cứ; khoản 1 điểm a khoản 2 Điều 106, Điều 136 của BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án đối với các bị cáo.

- Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Đức T và Chu Thế L phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy", Phạm Duy K phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Xử phạt:

1. Bị cáo Nguyễn Đức T 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/10/2022.

2. Bị cáo Chu Thế L 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/10/2022.

3. Bị cáo Phạm Duy K 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/10/2022.

- Về biện pháp tư pháp: Truy thu của bị cáo Chu Thế L số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng là tiền do phạm tội mà có để tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với vật chứng: Tịch thu tiêu hủy một phong bì ma túy niêm phong của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, có dấu của phòng kỹ thuật hình sự, kèm theo chữ ký chữ viết của Nguyễn Trần Đăng, Phạm Thành Đạt, Hoàng Văn Dương.

Tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme 3 màu đen, số Imeil: 868326042553371 thu giữ của Nguyễn Đức T. Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus màu, số Imei 355732076586717 thu giữ của Chu Thế L. Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu đen, số Imei 355685073304387 thu giữ của Phạm Duy K.

Toàn bộ vật chứng hiện đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự theo biên bản giao nhận vật chứng số 111/2023/THA ngày 07/3/2023.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Nguyễn Đức T, Chu Thế L và Phạm Duy K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Quyết định bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP. T;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. T;
- Chi cục THADS TP. T;
- Cơ sở giam giữ Công an TP. T;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. T.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Thị Hoa